



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh An Giang

Số 04

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

27/12/2024	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND Đề án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Xuân Tô (mở rộng), thị xã Tịnh Biên	3
27/12/2024	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025	8
27/12/2024	Nghị quyết số 79/NQ-HĐND Kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 20 Hội đồng nhân dân tỉnh (giữa năm 2024) và những kiến nghị gửi đến Kỳ họp thứ 17 Hội đồng nhân dân tỉnh (cuối năm 2023) chưa giải quyết	20
27/12/2024	Nghị quyết số 80/NQ-HĐND Kết quả giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện chính sách, pháp luật trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội giai đoạn 2023 - 2024	23
27/12/2024	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025	34

27/12/2024 Nghị quyết số 82/NQ-HĐND Về việc ban hành kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025 40

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

30/12/2024 Công văn số 1873/UBND-KTTH Về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân nhân tỉnh 48

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76/NQ-HĐND

An Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Đề án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
Khu công nghiệp Xuân Tô (mở rộng), thị xã Tịnh Biên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 26

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 1400/TTr-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết Đề án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Xuân Tô (mở rộng), thị xã Tịnh Biên; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Xuân Tô (mở rộng), thị xã Tịnh Biên với một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Xuân Tô (mở rộng), thị xã Tịnh Biên.

2. Phạm vi, ranh giới; quy mô lập quy hoạch và một số nội dung chính

a) Phạm vi, ranh giới:

Căn cứ đồ án Quy hoạch chung đô thị Tịnh Biên đến năm 2035 được phê duyệt năm 2017 làm cơ sở để xác định ranh giới tổng thể lập quy hoạch Khu công nghiệp Xuân Tô. Khu vực lập quy hoạch thuộc phường Tịnh Biên, thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang có quy mô 139,96 ha (bao gồm phần diện tích Khu công nghiệp Xuân Tô hiện hữu).

Phạm vi nghiên cứu trực tiếp là khu vực mở rộng về phía Bắc khoảng 82,89 ha (lập mới). Ranh giới được xác định cụ thể như sau:

- Phía Bắc : giáp đường giao thông, Sóc Tà Ngáo và đất sản xuất nông nghiệp;
- Phía Nam : giáp Khu công nghiệp Xuân Tô (hiện hữu);
- Phía Đông : giáp đất khu dân cư và đất sản xuất nông nghiệp;
- Phía Tây : giáp đường giao thông và đất khu dân cư.

b) Quy mô:

Quy mô (diện tích) Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Xuân Tô (mở rộng), thị xã Tịnh Biên là khoảng 82,89 ha.

c) Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/2000.

d) Tính chất, chức năng khu vực lập quy hoạch:

Là khu công nghiệp sạch, công nghệ sản xuất hiện đại với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đáp ứng tiêu chí “xanh - sạch, không gây ô nhiễm môi trường”. Cụ thể như sau:

- Công nghiệp chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp, chế biến lương thực - thực phẩm, công nghiệp cơ khí - chế tạo máy phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm (sử dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất khép kín, không hoặc ít gây ô nhiễm môi trường).

- Công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử, sản xuất điện, linh kiện điện, công nghiệp năng lượng thông minh, lắp ráp điện tử, cơ khí chế tạo máy. Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình, phục hồi chức năng, dược phẩm - mỹ phẩm, sản xuất hàng gia dụng.

- Công nghiệp sản xuất, gia công các mặt hàng may mặc (không có công đoạn giặt tẩy và dệt, nhuộm); da giày thể thao, túi xách (không có thuộc và nhuộm da, chế biến da sống thành da bằng cách thuộc) và các loại hình ngành nghề công nghiệp khác đảm bảo tiêu chí ngành nghề công nghiệp sạch, không gây ô nhiễm môi trường...

đ) Mục tiêu quy hoạch:

Cụ thể hóa định hướng Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu An Giang đến năm 2030; Quy hoạch chung đô thị Tịnh Biên đến năm 2035.

Hình thành khu công nghiệp sạch với công nghệ sản xuất hiện đại, đảm bảo bền vững trong sự phát triển kinh tế - xã hội - môi trường. Đồng bộ về kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Tịnh Biên.

Định hướng giao thông kết nối các phân khu chức năng trong khu công nghiệp, các khu vực lân cận trong môi liên hệ vùng.

Khai thác, phát huy các giá trị điều kiện tự nhiên. Rà soát các dự án trên địa bàn.

Làm cơ sở lập dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và chuẩn bị thu hút đầu tư giai đoạn sau năm 2024.

Làm cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch phân khu sử dụng đất và lập các dự án đầu tư để phát triển khu công nghiệp Xuân Tô.

e) Cơ cấu sử dụng đất:

Các chức năng sử dụng đất trong Khu công nghiệp Xuân Tô (mở rộng), thị xã Tịnh Biên bố trí như sau:

- Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (ký hiệu CN): tổng diện tích 51,27 ha chiếm 61,85% diện tích toàn khu. Bố trí 07 lô đất ở trung tâm khu công nghiệp giáp các trục đường: đường số 2, đường số 5, đường số 6, đường số 7, đường số 9.

- Đất khu thiết chế công đoàn (ký hiệu TCCĐ): diện tích 2,0 ha chiếm 2,41% diện tích toàn khu, được bố trí ở phía Tây khu công nghiệp, giáp đường số 1 và đường số 3.

- Đất khu dịch vụ (ký hiệu DV): tổng diện tích 3,6 ha chiếm 4,34% tổng diện tích toàn khu, bố trí ở phía Tây Bắc khu công nghiệp giáp đường số 1 và đường số 2.

- Đất hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HTKT): diện tích 1,16 ha chiếm 1,39% diện tích toàn khu, bố trí ở phía Tây Nam khu công nghiệp liền kề với khu đất hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp Xuân Tô hiện hữu.

- Đất cây xanh: tổng diện tích 9,62 ha, chiếm 11,61% diện tích toàn khu, bao gồm:

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng (ký hiệu CX1): tổng diện tích 4,04 ha, bố trí 02 mảng xanh tập trung ở phía Tây khu công nghiệp giáp khu thiết chế công đoàn, giáp đường số 3, tạo không gian mở, cảnh quan đẹp kết hợp với khu vực dịch vụ hình thành trung tâm dịch vụ của khu công nghiệp.

+ Đất cây xanh sử dụng hạn chế (ký hiệu CX2): tổng diện tích 5,58 ha, là dãy cây xanh cách ly bao quanh ranh đất khu công nghiệp, chiều rộng tối thiểu 10m đảm bảo khoảng cách ly an toàn cho môi trường xung quanh khu công nghiệp.

- Đường giao thông: tổng diện tích 15,25 ha chiếm 18,40% diện tích toàn khu, kết nối với khu công nghiệp hiện hữu, có dạng ô cờ đảm bảo tiếp cận đến tất cả lô đất.

g) Xác định tầng cao, khoảng lùi xây dựng:

- Đối với khu sản xuất công nghiệp, kho bãi:

+ Tầng cao tối đa: 3 tầng.

+ Mật độ xây dựng tối đa: 60%.

+ Hệ số sử dụng đất tối đa: $k = 1,8$.

+ Chiều cao công trình xây dựng tối đa: 25m.

+ Mật độ cây xanh tối thiểu: 20%

+ Khoảng lùi công trình: $\geq 6m$ so với chỉ giới đường đỏ và $\geq 4m$ so với tường rào các ranh đất.

- Đối với công trình dịch vụ, công trình thiết chế công đoàn:

+ Tầng cao tối đa: 5 tầng.

+ Mật độ xây dựng tối đa: 40%.

+ Mật độ cây xanh tối thiểu: 20%

+ Hệ số sử dụng đất tối đa: $k = 2,0$.

+ Khoảng lùi công trình: $\geq 6m$ so với chỉ giới đường đỏ và $\geq 4m$ so với tường rào các ranh đất.

- Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật:

+ Tầng cao tối đa: 1 tầng.

+ Mật độ xây dựng tối đa: 25%.

+ Chiều cao công trình xây dựng tối đa: 6m.

+ Hệ số sử dụng đất tối đa: $k = 0,25$.

+ Khoảng lùi công trình: $\geq 6m$ so với chỉ giới đường đỏ và $\geq 4m$ so với tường rào các ranh đất.

+ Khu đất bố trí trạm xử lý nước thải, khoảng lùi công trình $\geq 15m$ (Căn cứ bảng 2.22 Khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN01:2021/BXD) và phải đảm bảo khoảng cây xanh cách ly xung quanh công trình $\geq 10m$.

- Đối với công viên cây xanh:

+ Tầng cao tối đa: 1 tầng.

+ Mật độ xây dựng tối đa: 5%.

+ Hệ số sử dụng đất tối đa: $k = 0,05$

+ Khoảng lùi công trình: $\geq 6m$ so với chỉ giới đường đỏ.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Nung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 77/NQ-HĐND

An Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; phê duyệt

số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 26

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Kết luận số 28-KL/TW, ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Quyết định số 84-QĐ/BTCTW, ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 3240-QĐ/BTCTW, ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh An Giang năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 139-KH/TU, ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về biên chế của tỉnh An Giang giai đoạn 2024 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 4823-QĐ/TU, ngày 27 ngày 6 tháng 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, có phạm vi hoạt động trong toàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 664-TB/TU, ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao biên chế của Tỉnh năm 2025;

Xét Tờ trình số 1424/TTr-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 là **2.383** biên chế. (Đính kèm Phụ lục I)

Điều 2. Phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025 là **31.896** biên chế, gồm:

1. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là **31.646** biên chế.

2. Số lượng người làm việc trong các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là **250** biên chế.

(Đính kèm Phụ lục II)

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện được điều chuyển số biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước chưa sử dụng của các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền. Đồng thời xem xét, cân đối giao kinh phí hoạt động thường xuyên đảm bảo các cơ quan, đơn vị chi trả cho hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Nung

Phụ lục I

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Tên cơ quan	Số biên chế công chức giao năm 2024	Số biên chế công chức giao năm 2025	Số biên chế công chức chênh lệch so với năm 2024 tăng (+)/giảm (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng (A+B)	2.411	2.383	-28	
A	CẤP TỈNH	1.201	1.186	-15	
1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	35	35	0	
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	66	66	0	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	59	58	-1	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	52	51	-1	
5	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	24	23	-1	
6	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	22	21	-1	
7	Chi cục Thủy sản	15	14	-1	
8	Chi cục Thủy lợi	13	13	0	
9	Chi cục Kiểm lâm	40	39	-1	
10	Chi cục Phát triển nông thôn	16	16	0	
11	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	12	12	0	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	65	65	0	
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	59	58	-1	
14	Sở Y tế	37	36	-1	
15	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	13	13	0	
16	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	12	12	0	
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	44	43	-1	
18	Sở Nội vụ	36	36	0	

19	Ban Thi đua - Khen thưởng	13	13	0
20	Ban Tôn giáo	13	13	0
21	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	12	12	0
22	Sở Công Thương	43	42	-1
23	Sở Khoa học và Công nghệ	29	29	0
24	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	18	18	0
25	Sở Ngoại vụ	19	19	0
26	Ban Dân tộc	14	14	0
27	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	57	56	-1
28	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	40	40	0
29	Sở Xây dựng	48	47	-1
30	Thanh tra tỉnh	44	44	0
31	Sở Tư pháp	43	42	-1
32	Sở Tài chính	56	55	-1
33	Sở Giao thông vận tải	85	84	-1
34	Cảng vụ Đường thủy nội địa	12	12	0
35	Sở Thông tin và Truyền thông	30	30	0
36	Văn phòng Ban An toàn giao thông	5	5	0
B	CẤP HUYỆN	1.210	1.197	-13
1	UBND thành phố Long Xuyên	123	121	-2
2	UBND thành phố Châu Đốc	107	106	-1
3	UBND huyện An Phú	105	104	-1
4	UBND huyện Châu Phú	107	106	-1
5	UBND huyện Châu Thành	111	110	-1
6	UBND huyện Chợ Mới	116	115	-1
7	UBND huyện Phú Tân	111	110	-1
8	UBND thị xã Tân Châu	107	106	-1
9	UBND huyện Thoại Sơn	110	109	-1
10	UBND thị xã Tịnh Biên	106	105	-1
11	UBND huyện Tri Tôn	107	105	-2

Phụ lục II

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC HỘI QUẢN CHỨNG DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2024	Số lượng người làm việc tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2024	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước giao năm 2025			Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước chênh lệch so với năm 2024 tăng (+)/giảm (-)	Ghi chú
				Tổng	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐVSNC L CẤP TỈNH VÀ CẤP HUYỆN (I+II)		32.003	250	31.896	31.646	250	-357	

A	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CẤP TỈNH	9.691	123	9.674	9.551	123	-140	-
I	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐVSNCCL CẤP TỈNH	9.691		9.674	9.551		-140	
1	Trường Cao đẳng nghề An Giang	133		133	133		0	
2	Ban Quản lý Di tích văn hóa Óc Eo	18		18	18		0	
3	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư tỉnh	29		29	29		0	
4	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	3.671		3.671	3.671		0	
5	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế	3.961		3.840	3.840		-121	
6	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	992		987	987		-5	
7	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	441		435	435		-6	
8	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	40		40	40		0	
10	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	52		51	51		-1	

11	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông	31		30	30		-1	
12	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp	17		16	16		-1	
13	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	251		246	246		-5	
14	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nội vụ	15		15	15		0	
15	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Công Thương	15		15	15		0	
16	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	15		15	15		0	
17	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh	10		10	10		0	
II	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ		123	123	0	123		
1	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh An Giang		9	9		9		
2	Liên minh Hợp tác xã tỉnh An Giang		18	18		18		

3	Hội Bảo trợ người Khuyết tật - TMC&BNN tỉnh		7	7		7		
4	Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh		9	9		9		
5	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh		16	16		16		
6	Hội Đông y tỉnh		8	8		8		
7	Hội Chữ thập đỏ tỉnh		18	18		18		
8	Hội Người cao tuổi tỉnh		4	4		4		
9	Hội Luật gia tỉnh		4	4		4		
10	Hội Khuyến học tỉnh		6	6		6		
11	Hội Nhà báo tỉnh		4	4		4		
12	Hiệp hội nghề nuôi và Chế biến thủy sản		4	4		4		
13	Hội Người tù kháng chiến tỉnh		5	5		5		

14	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh		6	6		6	
15	Hội người mù tỉnh		5	5		5	
B	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CẤP HUYỆN	22.312	127	22.222	22.095	127	-217
I	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	22.312		22.095	22.095		-217
1	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện An Phú	1.852		1.833	1.833		-19
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND huyện	1.781		1.762	1.762		-19
	Các đơn vị sự nghiệp khác	71		71	71		0
2	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố Châu Đốc	1.235		1.225	1.225		-10
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND thành phố	1.182		1.172	1.172		-10
	Các đơn vị sự nghiệp khác	53		53	53		0
3	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện Châu Phú	2.309		2.284	2.284		-25
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND huyện	2.267		2.243	2.243		-24

	Các đơn vị sự nghiệp khác	42		41	41		-1	
4	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện Châu Thành	1.853		1.838	1.838		-15	
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND huyện	1.759		1.745	1.745		-14	
	Các đơn vị sự nghiệp khác	94		93	93		-1	
5	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện Chợ Mới	3.193		3.158	3.158		-35	
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND huyện	3.141		3.106	3.106		-35	
	Các đơn vị sự nghiệp khác	52		52	52		0	
6	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố Long Xuyên	2.205		2.185	2.185		-20	
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND thành phố	2.135		2.118	2.118		-17	
	Các đơn vị sự nghiệp khác	70		67	67		-3	
7	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện Phú Tân	2.136		2.107	2.107		-29	
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND huyện	2.063		2.035	2.035		-28	
	Các đơn vị sự nghiệp khác	73		72	72		-1	

8	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã Tân Châu	1.785		1.766	1.766		-19	
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND thị xã	1.724		1.708	1.708		-16	
	Các đơn vị sự nghiệp khác	61		58	58		-3	
9	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện Thoại Sơn	2.148		2.122	2.122		-26	
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND huyện	2.069		2.045	2.045		-24	
	Các đơn vị sự nghiệp khác	79		77	77		-2	
10	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện Tịnh Biên	1.789		1.779	1.779		-10	
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND huyện	1.694		1.684	1.684		-10	
	Các đơn vị sự nghiệp khác	95		95	95		0	
11	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện Tri Tôn	1.807		1.798	1.798		-9	
	Sự nghiệp Giáo dục trực thuộc UBND huyện	1.750		1.741	1.741		-9	
	Các đơn vị sự nghiệp khác	57		57	57		0	
II	SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ		127	127	0	127		

	Huyện An Phú		14	14		14		
	Thành phố Châu Đốc		10	10		10		
	Huyện Châu Phú		13	13		13		
	Huyện Châu Thành		10	10		10		
	Huyện Chợ Mới		15	15		15		
	Thành phố Long Xuyên		10	10		10		
	Huyện Phú Tân		10	10		10		
	Thị xã Tân Châu		12	12		12		
	Huyện Thoại Sơn		10	10		10		
	Thị xã Tịnh Biên		10	10		10		
	Huyện Tri Tôn		13	13		13		

NGHỊ QUYẾT

Kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 20 Hội đồng nhân dân tỉnh (giữa năm 2024) và những kiến nghị gửi đến Kỳ họp thứ 17 Hội đồng nhân dân tỉnh (cuối năm 2023) chưa giải quyết

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 26

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 232/BC-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 20 Hội đồng nhân dân tỉnh (giữa năm 2024) và những kiến nghị gửi đến Kỳ họp thứ 17 Hội đồng nhân dân tỉnh (cuối năm 2023) chưa giải quyết.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 20 Hội đồng nhân dân tỉnh (giữa năm 2024) và những kiến nghị gửi đến Kỳ họp thứ 17 Hội đồng nhân dân tỉnh (cuối năm 2023) chưa giải quyết được nêu tại Báo cáo số 232/BC-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với các nội dung chủ yếu sau:

1. Kết quả đạt được

Tại Kỳ họp thứ 20, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, có 128 kiến nghị cử tri được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân công các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện. Trong đó, tổng số kiến nghị đã trả lời 128/128, đạt 100%; số kiến nghị đã hoàn thành và kết thúc giải quyết 88/128, đạt 68,75%; số kiến nghị đang trong quá trình xem xét giải quyết 40/128, chiếm tỷ lệ 31,25%; số kiến nghị chưa giải quyết là 00/128, chiếm tỷ lệ 00%.

Đối với các kiến nghị gửi đến Kỳ họp thứ 17 Hội đồng nhân dân tỉnh chưa giải quyết (bao gồm 28 kiến nghị đang giải quyết và 02 kiến nghị thuộc thẩm quyền của Trung ương chưa có lộ trình giải quyết theo Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh). Ủy ban nhân dân tỉnh đã yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tăng cường trách nhiệm trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và giải quyết các kiến nghị của cử tri, xác định thời gian, lộ trình để sớm giải quyết; đồng thời, tăng cường phối hợp giải quyết dứt điểm đối với những kiến nghị liên quan đến trách nhiệm giải quyết của nhiều ngành, địa phương, tránh tình trạng kiến nghị nhiều lần.

Kết quả giải quyết và trả lời kiến nghị cử tri đã góp phần đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của cử tri và Nhân dân, qua đó củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước mà trực tiếp là sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

Nguồn lực của tỉnh còn hạn chế trong bối cảnh yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao dẫn đến địa phương chỉ có thể đảm bảo cho một số lĩnh vực, chính sách, dự án, công trình trọng điểm, chưa thể đáp ứng được toàn diện nhu cầu, tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Kiến nghị cử tri liên quan đến chủ trương, chính sách, cơ chế, quy định thuộc thẩm quyền của các cơ quan trung ương, các cơ quan được tổ chức, quản lý theo hệ thống ngành dọc nên cần phải có thời gian, lộ trình đề xuất, điều chỉnh, triển khai, giải quyết.

Một số kiến nghị cử tri chưa được giải quyết dứt điểm, còn kéo dài, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cử tri và Nhân dân.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

Tiếp tục tăng cường chất lượng quản lý, điều hành kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp nhận, giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của cử tri và Nhân dân.

Tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, các địa phương trong việc tiếp nhận, giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri, đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn. Rà soát những nội dung cử tri kiến nghị nhiều lần chưa được giải quyết hoặc giải quyết chưa dứt điểm để giải quyết trong thời gian tới.

Giải quyết theo thẩm quyền và chỉ đạo giải quyết các kiến nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 232/BC-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2024.

Nghiên cứu, triển khai các biện pháp huy động, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; rà soát, bố trí phân bổ nguồn lực để giải quyết các kiến nghị chính đáng và cấp bách của cử tri; điều chỉnh các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Nung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 80/NQ-HĐND

An Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Kết quả giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh
về việc thực hiện chính sách, pháp luật trong công tác đảm bảo an ninh,
trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội giai đoạn 2023 - 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 26**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 954/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2024;

Thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thành lập 02 Đoàn giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách, pháp luật trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội giai đoạn 2023 - 2024;

Xét báo cáo số 200/BC-ĐGS ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội giai đoạn 2023 - 2024; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá kết quả thực hiện

Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh thống nhất với nội dung Báo cáo số 200/BC-ĐGS ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Đoàn giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật trong công tác đảm bảo an ninh, trật

tự (ANTT), phòng, chống tội phạm (PCTP) và tệ nạn xã hội (TNXH) giai đoạn 2023 - 2024 về những kết quả đạt được; khó khăn, hạn chế; nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế. Cụ thể như sau:

1. Kết quả đạt được

Qua công tác giám sát cho thấy lãnh đạo, thủ trưởng các địa phương, đơn vị luôn nghiêm túc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; quan tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra về công tác đảm bảo ANTT, PCTP và TNXH tại địa bàn, cơ quan được phân công phụ trách.

Công an các cấp đã tham mưu cho cấp ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm những chương trình, kế hoạch, biện pháp đảm bảo ANTT, PCTP, đấu tranh triệt xóa các loại TNXH; không để xảy ra điểm nóng về ANTT, TNXH trên địa bàn.

Công tác phòng ngừa nghiệp vụ, phòng ngừa xã hội được chú trọng, quan tâm; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với những nội dung và hình thức phù hợp từng đối tượng, thời điểm. Xây dựng và tổ chức thực hiện được những mô hình sáng tạo, hiệu quả về đảm bảo ANTT, PCTP và TNXH. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan nắm chắc tình hình an ninh biên giới; an ninh trong tôn giáo, dân tộc; an ninh chính trị nội bộ... nhằm ứng phó và xử lý kịp thời, có hiệu quả trong trường hợp phát sinh những tình huống phức tạp từ cơ sở.

Lực lượng Công an tại các địa phương đã triển khai nhiều chương trình, kế hoạch đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm; tập trung điều tra, khám phá nhanh các vụ án hình sự, ma túy, kinh tế, tham nhũng, chức vụ, môi trường và tội phạm liên quan đến hoạt động tín dụng đen; triệt xóa, đẩy lùi các loại tệ nạn xã hội. Một số địa phương thực hiện tốt việc hạn chế tình trạng thanh thiếu niên vi phạm pháp luật¹; quan tâm tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy và tuần tra, xử lý các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông.

Về thực hiện nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND): VKSND hai cấp đã làm tốt chức năng kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; thực hành quyền công tố, kiểm sát việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự. Thông qua hoạt động kiểm sát đã kịp thời phát hiện và ban hành kiến nghị yêu cầu các cơ quan có liên quan chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót. Nhìn chung, qua công tác kiểm sát cho thấy các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về thực hiện công tác xét xử các vụ án hình sự: Tòa án nhân dân (TAND) hai cấp đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ xét xử nói chung và xét xử các vụ án hình sự nói riêng đảm bảo nhiệm vụ, chỉ tiêu TAND tối cao đưa ra. Xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không kết án oan người không có tội và không bỏ lọt tội phạm; thực hiện tốt công tác PCTP. Quá trình giải quyết những vụ án lớn, đặc biệt nghiêm

¹ Thành phố Long Xuyên, huyện Phú Tân.

trọng, dư luận quan tâm được Tòa án phối hợp tốt với các cơ quan tiến hành tố tụng, khẩn trương đưa vụ án ra xét xử kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu chính trị của địa phương. Hình phạt áp dụng đối với các bị cáo đảm bảo nghiêm minh, đúng quy định pháp luật; tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của người phạm tội.

Công tác xây dựng, kiện toàn lực lượng Công an xã, thị trấn chính quy, lực lượng tham gia bảo vệ ANTT tại cơ sở và các Tổ tự quản vệ ANTT được thực hiện tốt. Kỷ luật, kỷ cương, điều lệnh Công an nhân dân được tăng cường.

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa Công an, VKSND, TAND trong thực hiện quy trình tố tụng nhằm đảm bảo hành vi vi phạm pháp luật được khởi tố, điều tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng quy định pháp luật. Từ đó góp phần hiệu quả, tích cực vào công tác đảm bảo ANTT, PCTP và TNXH trên địa bàn tỉnh.

Với sự nỗ lực, tinh thần trách nhiệm, các địa phương, đơn vị đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội phục vụ nhiệm vụ phát triển chung của tỉnh.

2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được, trong công tác đảm bảo ANTT, PCTP và TNXH tại các địa phương, đơn vị còn một số khó khăn, hạn chế như:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đảm bảo ANTT, PCTP và TNXH tuy có thực hiện nhưng từng lúc, từng nơi chưa phù hợp đối tượng, chưa thực sự hiệu quả.

- Toàn tỉnh có khá nhiều mô hình tự quản về ANTT, PCTP và TNXH, tuy nhiên có những mô hình chỉ tổ chức ở một vài địa phương, chưa được nhân rộng; một số mô hình có nội dung tương tự nhau², chưa mang lại hiệu quả hoặc không còn phù hợp ở thời điểm hiện tại.

- Các đối tượng phạm tội có xu hướng trẻ hóa; tại một số địa phương xuất hiện tình trạng thanh thiếu niên tụ tập gây mất trật tự công cộng, sẵn sàng sử dụng hung khí nguy hiểm để giải quyết mâu thuẫn³.

- Tội phạm về ma túy vẫn diễn biến phức tạp nhưng chưa có giải pháp căn cơ. Số người nghiện ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy ngoài xã hội còn nhiều, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ANTT. Cơ sở cai nghiện ma túy của tỉnh hiện đã quá tải, không đáp ứng yêu cầu thực tế. Mặt khác, công tác cai nghiện ma túy chưa hiệu quả, nhiều trường hợp sau cai nghiện đã tái nghiện trở lại.

- Công tác quản lý, cảm hóa, hỗ trợ, giúp đỡ các đối tượng chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng chưa thật sự đạt hiệu quả.

² Ví dụ: Tại huyện Châu Phú có đồng thời các mô hình: “Tổ phụ nữ không để người thân tham gia TNXH”, mô hình “Phụ nữ không có người thân vi phạm pháp luật và TNXH, mô hình “Phụ nữ và gia đình không tham gia tệ nạn đánh bạc, số đề”. Tại huyện Chợ Mới và An Phú có đồng thời 02 mô hình: “Quản lý, giáo dục trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật tại địa bàn dân cư” và mô hình “Quản lý con em trong gia đình không phạm tội và TNXH”.

³ Tân Châu, Thoại Sơn.

- Tỷ lệ điều tra, khám phá tội phạm về trật tự xã hội tính đến thời điểm báo cáo còn thấp (chỉ đạt 59,9%). Tội phạm về trộm cắp tài sản và cố ý gây thương tích chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu tội phạm về trật tự xã hội.

- Tội phạm trên môi trường mạng ngày càng đa dạng, tinh vi, khó phát hiện. Tỷ lệ điều tra, làm rõ các vụ tội phạm trên môi trường mạng thấp (12/94 vụ trên toàn tỉnh).

- Còn một số vụ việc Tòa án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung (do chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án; chưa đánh giá chứng cứ một cách đầy đủ, nhất là đối với hành vi phạm tội của các bị can; còn đồng phạm chưa bị khởi tố, điều tra...). Số vụ việc tạm đình chỉ điều tra do hết thời hạn điều tra nhưng chưa xác định được bị can hoặc không biết bị can đang ở đâu khá cao⁴. Trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; trong công tác điều tra còn một số sai sót đã được Viện kiểm sát ban hành kiến nghị yêu cầu khắc phục⁵.

- Một số ít bản án bị hủy, bị sửa có nguyên nhân xuất phát từ lỗi chủ quan của Thẩm phán.

- Công tác giám định tư pháp phục vụ cho hoạt động điều tra tội phạm đôi lúc chưa đáp ứng chất lượng, thời gian theo yêu cầu của cơ quan điều tra.

- Kinh phí chi trả cho hoạt động giám định tư pháp, bố trí trang thiết bị, đường truyền phục vụ cho công tác điều tra, đấu tranh PCTP chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Việc yêu cầu các nhà mạng cung cấp thông tin bị chậm, ảnh hưởng đến tiến độ công tác giải quyết tin báo.

- Công tác phối hợp trao đổi thông tin, tổ chức tuyên truyền, thực hiện các nhiệm vụ về đảm bảo ANTT, PCTP và TNXH giữa các ngành, cơ quan có liên quan đôi lúc chưa nhịp nhàng, hiệu quả⁶.

- Theo cập nhật đến thời điểm tổ chức giám sát, hầu hết các địa phương chưa thực hiện chi hỗ trợ cho người được phân công giúp đỡ người đang trong thời hạn quản lý do sử dụng trái phép chất ma túy theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được phân công trực tiếp giúp đỡ người đang trong thời hạn quản lý do sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh An Giang⁷. Một số địa phương chưa triển khai chi hỗ trợ hàng tháng cho lực lượng bảo vệ ANTT ở cơ sở.

⁴ Tạm đình chỉ điều tra 1.071 vụ, 88 bị can. Trong đó: Hết thời hạn điều tra, chưa xác định được bị can 1.000 vụ; hết thời hạn điều tra, không biết bị can đang ở đâu 65 vụ, 82 bị can.

⁵ Qua kiểm sát đã ban hành 52 kiến nghị yêu cầu khắc phục trong công tác tiếp nhận và giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm như: Chưa thực hiện đúng quy định về thời hạn tiếp nhận và chuyển nguồn tin về tội phạm, chuyển vụ việc hành chính có dấu hiệu hình sự của Công an cấp xã cho Cơ quan điều tra; vi phạm trong thu thập chứng cứ; không ghi thời hạn giám định, định giá tài sản trong quyết định trưng cầu, yêu cầu giám định... Ban hành 34 kiến nghị liên quan đến công tác điều tra: Biên bản hỏi cung không có chữ ký xác nhận của người tham gia; chưa thông báo thời gian, địa điểm tiến hành các hoạt động hỏi cung bị can, đối chất, nhận dạng cho Kiểm sát viên; chậm tiến hành các hoạt động điều tra...

⁶ Chợ Mới.

⁷ Chỉ có thị xã Tân Châu thực hiện.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế

- Sự phát triển kinh tế, xã hội làm phát sinh những vấn đề mới về ANTT. Xuất hiện những loại tội phạm với phương thức, thủ đoạn phạm tội mới ngày càng tinh vi, đa dạng hơn.

- Hiểu biết về pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế; ý thức cảnh giác, tự bảo vệ tài sản đôi lúc chưa cao, phần nào tạo cơ hội để các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

- Số người sử dụng trái phép chất ma túy, nghiện ma túy ngoài xã hội còn nhiều. Đây là nhóm đối tượng có nguy cơ cao gây ra các loại tội phạm có liên quan đến ma túy như tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy; tội phạm về sở hữu như trộm cắp, cướp giật, cướp tài sản...

- Những người chấp hành xong án phạt tù về địa phương thường có tâm lý mặc cảm, ngại tiếp xúc với người khác; có trường hợp bỏ sang địa phương khác sinh sống. Việc dạy nghề, hỗ trợ vay vốn, giới thiệu việc làm gặp khó khăn do tâm lý của chủ cơ sở ngại tiếp nhận họ vào làm việc.

- Công nghệ thông tin, mạng xã hội, các thiết bị điện tử phát triển ngày càng hiện đại dẫn đến xuất hiện những vấn đề an ninh phi truyền thống. Bên cạnh đó, phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội của các đối tượng ngày càng tinh vi, gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc nhận biết, phát hiện và điều tra, truy bắt.

- Một bộ phận thanh thiếu niên thiếu kiến thức về pháp luật, thiếu sự quan tâm, quản lý, giáo dục từ gia đình; bị ảnh hưởng bởi những nội dung không lành mạnh trên mạng xã hội, tâm lý dễ bị kích động do mâu thuẫn nhỏ dễ dẫn đến gây ra hành vi vi phạm pháp luật hoặc bị lôi kéo vào các loại tệ nạn xã hội.

- Một số quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật còn mâu thuẫn, chồng chéo, quan điểm giải quyết vụ án giữa các cơ quan tiến hành tố tụng (Công an, Viện kiểm sát, Tòa án) đôi lúc còn khác nhau, phải họp bàn nhiều lần để thống nhất phương án giải quyết hoặc thỉnh thị xin ý kiến của cơ quan cấp trên và chờ kết quả trả lời nên kéo dài thời hạn giải quyết; một số vụ việc phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung do hết thời hạn.

- Quy định pháp luật về giám định tư pháp còn bất cập, thiếu Giám định viên có kinh nghiệm, đảm bảo năng lực trong một số lĩnh vực. Các vụ việc yêu cầu giám định tư pháp liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường, tài chính, thuế, xây dựng khá phức tạp, cần nhiều thời gian để xem xét nên đội ngũ Giám định viên gặp khó khăn trong việc giám định.

- Biên chế của lực lượng Công an, Kiểm sát, Tòa án tuy đã được bổ sung, kiện toàn nhưng vẫn còn thiếu so với nhiệm vụ phát sinh tăng trên thực tế, dẫn đến công tác điều tra, xác minh, xử lý các vụ án, vụ việc còn hạn chế. Đối với Công an cấp xã phải

thực hiện thêm những công việc khác nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đảm bảo ANTT, PCTP tại địa bàn cơ sở.

Điều 2. Nội dung kiến nghị

Hội đồng nhân dân tỉnh kiến nghị UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm thực hiện một số nội dung sau:

1. Đối với các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh

1.1. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát những nội dung, nhiệm vụ được giao theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền; được giao tổ chức thực hiện từ các văn bản, quy định pháp luật có liên quan. UBND các huyện, thị xã, thành phố cần quan tâm tăng cường việc đề xuất giải pháp trên cơ sở xây dựng kế hoạch, đề án, phương án, quy định biện pháp cụ thể để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành, phê duyệt hoặc UBND huyện, thị xã, thành phố ban hành, phê duyệt (theo thẩm quyền) đối với các nội dung, nhiệm vụ được giao. Trong đó chú trọng đề xuất, xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện đối với những vấn đề dễ phát sinh điểm nóng, những vấn đề tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật nghiêm trọng, bao gồm những vấn đề đã và đang thực hiện nhưng chưa đạt kết quả tốt, hiệu quả chưa cao, có thể kể đến như:

+ Vụ án về ma túy; vụ án liên quan tội phạm trong thanh thiếu niên, xâm hại trẻ em; tội phạm trên môi trường mạng (an ninh mạng, mua bán vũ khí trên môi trường mạng, tin giả, lừa đảo, đánh bạc qua mạng,...); tội phạm liên quan đến các tuyến biên giới⁸ (buôn lậu, mua bán người, trốn truy nã...).

+ Những vấn đề có liên quan đến khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép (thủy sản, đất mặt, đá, cát sông, đá núi...); gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường; an toàn vệ sinh thực phẩm; chống hàng gian, hàng giả, hàng nhái; phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật kém chất lượng...

+ Những vấn đề liên quan đến vi phạm dẫn đến phạm tội trong thực thi pháp luật về quy hoạch, trật tự đô thị, trật tự xây dựng; pháp luật về đất đai; sử dụng tài chính, tài sản công.

+ Tội phạm xâm phạm sở hữu; liên quan đến những vụ án tham nhũng, tiêu cực, chức vụ, lợi ích nhóm, kể cả trong lĩnh vực kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; tội phạm về xâm phạm hoạt động tư pháp.

- Tăng cường công tác rà soát, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan, ban ngành, thành viên UBND có liên quan nhằm có biện pháp,

⁸ Đối với các huyện, thị xã, thành phố có đường biên giới.

giải pháp và bố trí sử dụng nguồn lực (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất) phù hợp, hiệu quả để thực hiện tốt nhiệm vụ này tại địa phương.

- Thực hiện tốt việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Có chỉ đạo, kế hoạch nhằm thực hiện tốt công tác thanh tra và tự kiểm tra, giám sát đối với từng ngành, từng cấp theo thẩm quyền quy định. Trong đó đẩy mạnh và thực hiện tốt việc tự kiểm tra, giám sát đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, bao gồm cả lĩnh vực thanh tra, kiểm tra, giám sát tại địa phương, nhằm góp phần thực hiện công tác phòng ngừa hiệu quả hơn trong thời gian tới.

- Tham mưu, đề xuất với cấp ủy trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội.

- Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác đảm bảo ANTT, PCTP và TNXH. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân, tổ chức, doanh nghiệp tích cực hưởng ứng các hoạt động chăm lo an sinh xã hội, tham gia phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; hỗ trợ lực lượng chức năng phát hiện, đấu tranh, triệt xóa các loại tội phạm, tệ nạn xã hội nhằm bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

- Nghiên cứu đổi mới, đa dạng về hình thức, nội dung công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTP và TNXH. Rà soát, đánh giá, nhân rộng những mô hình đảm bảo ANTT, PCTP, TNXH hay, hiệu quả; đồng thời loại bỏ những mô hình có nội dung tương tự nhau, không đạt hiệu quả hoặc không còn phù hợp ở thời điểm hiện tại.

- Quan tâm làm tốt công tác hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho những người chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương: Phân công hợp lý người hỗ trợ, giúp đỡ; thường xuyên động viên, nắm bắt tình hình tư tưởng. Tùy vào đặc điểm nhân thân của từng đối tượng có thể dạy nghề, hỗ trợ cho vay vốn làm ăn hoặc liên hệ các cơ sở, doanh nghiệp tại địa phương tạo điều kiện tiếp nhận họ vào làm nhằm tạo công việc ổn định, hạn chế tái phạm tội. Đặc biệt cần quan tâm công tác tư tưởng đối với cộng đồng tại nơi có người chấp hành xong án phạt tù trở về để tránh tâm lý kỳ thị, xa lánh có thể tác động tiêu cực đến tâm lý, hành vi của người đã chấp hành án trở về địa phương. Đồng thời, quản lý tốt những người chấp hành án phạt tù được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ; những người chấp hành biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Chỉ đạo ngành Công an, nhà trường phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với gia đình trong việc chăm sóc, quản lý, giáo dục đạo đức, pháp luật cho thanh thiếu niên. Tạo môi trường lành mạnh, an toàn để thanh thiếu niên học tập, vui chơi giải trí, tránh xa các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

- Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết khác phục vụ hoạt động của lực lượng Công an xã và Tổ bảo vệ ANTT ở cơ sở.

1.2. HĐND cấp huyện

- Đẩy mạnh công tác rà soát các quy định và các nghị quyết đã ban hành có liên quan. Trên cơ sở đó, ban hành theo thẩm quyền đã quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và bố trí nguồn lực ngân sách phù hợp, đảm bảo thực hiện hiệu quả, khả thi, đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện chính sách, pháp luật trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong những tháng cuối năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Tăng cường giám sát việc thi hành pháp luật cũng như thực hiện các quy định có liên quan theo thẩm quyền đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Trong đó, đặc biệt tăng cường giám sát liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước (thuộc thẩm quyền địa phương), ngay cả trong công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án nhằm góp phần thực hiện tốt công tác phòng ngừa hiệu quả trong thời gian tới.

1.3. Công an, VKSND, Tòa án nhân dân, Cục Thi hành án dân sự cấp huyện

- Đẩy mạnh công tác rà soát, đánh giá kết quả, hiệu quả trong việc thực thi các quy định pháp luật về chức năng, nhiệm vụ. Trên cơ sở đó đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo thẩm quyền và đề xuất ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền để thực hiện nghiêm, thực thi pháp luật tốt hơn trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội cuối năm 2024 và những năm tiếp theo (gồm những nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của ngành dọc và nhiệm vụ theo chỉ đạo, lãnh đạo và thực hiện ở cấp chính quyền địa phương). Trong đó, có đề xuất cụ thể biện pháp, giải pháp về nguồn lực thực hiện theo quy định. Có giải pháp tự kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và tổ chức thực hiện tốt các giải pháp đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo quy định.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định. Rà soát, đánh giá kết quả, hiệu quả trong việc tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm (trong đó, quan tâm việc đánh giá đối với những vụ việc không tiếp nhận được tin tố giác). Tham mưu hiệu quả cho cấp ủy và cơ quan cấp trên trực tiếp trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và công tác phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo thẩm quyền.

2. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát, đánh giá kết quả, hiệu quả việc thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao về thực hành

quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung và kiểm sát hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự theo thẩm quyền. Trên cơ sở đó, đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cụ thể và đề xuất ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền để thực hiện nghiêm, thực thi pháp luật tốt hơn trên địa bàn tỉnh An Giang trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội cuối năm 2024 và những năm tiếp theo. Trong đó đề xuất cụ thể biện pháp, giải pháp về nguồn lực thực hiện theo quy định.

- Có giải pháp tự kiểm tra, thực hiện tốt, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo chức năng, nhiệm vụ kiểm sát được giao theo Hiến pháp và pháp luật. Đồng thời, có rà soát, đề xuất, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu điều chỉnh quy định, chính sách phù hợp, nhằm góp phần thực hiện tốt hơn công tác phòng ngừa hiệu quả trong thời gian tới.

- Tăng cường đề xuất giải pháp, kế hoạch cụ thể nhằm xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân trong việc khắc phục những tồn tại, hạn chế đã chỉ ra để thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát; nhằm đảm bảo các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện kịp thời, đúng quy định pháp luật; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền, nhất là đối với những vấn đề có liên quan về:

+ Tội phạm ma túy; tội phạm trong thanh thiếu niên, xâm hại trẻ em; tội phạm trên môi trường mạng (an ninh mạng, mua bán vũ khí trên môi trường mạng, tin giả, lừa đảo, đánh bạc qua mạng...); tội phạm liên quan đến các tuyến biên giới (buôn lậu, mua bán người, trốn truy nã...).

+ Các vụ án hình sự có liên quan đến tội phạm về kinh tế, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm. Quan tâm rà soát, có kế hoạch, chương trình, đề án cụ thể để triển khai thực hiện tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực này như: Khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép (thủy sản, đất mặt, đá, cát sông, cát núi...); gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường; chống hàng gian, hàng giả, hàng nhái; phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật kém chất lượng...

+ Những vấn đề liên quan đến vi phạm pháp luật nghiêm trọng dẫn đến phạm tội trong thực thi pháp luật về quy hoạch, trật tự đô thị, trật tự xây dựng; pháp luật về đất đai; sử dụng tài chính, tài sản công.

+ Tội phạm xâm phạm sở hữu; tội phạm liên quan đến những vụ án tham nhũng, tiêu cực, chức vụ, lợi ích nhóm, kể cả trong lĩnh vực kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; tội phạm về xâm phạm hoạt động tư pháp.

- Tăng cường công tác rà soát, đề xuất giải pháp cụ thể trong công tác phối hợp với các cơ quan có liên quan như Công an, Tòa án, Thi hành án tỉnh, cấp huyện, các cơ

quan liên quan nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, tiến độ quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Có kế hoạch phối hợp, tổ chức bồi dưỡng, trao đổi về chuyên môn, nghiệp vụ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm tạo sự thống nhất, chính xác trong cách hiểu các quy định pháp luật cũng như nhận định quan điểm về vụ án/hành vi phạm tội. Từ đó góp phần hạn chế án bị trả hồ sơ điều tra bổ sung do nguyên nhân chủ quan hoặc quan điểm của các cơ quan tiến hành tố tụng còn khác nhau.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định. Đẩy mạnh công tác đánh giá kết quả, hiệu quả trong công tác kiểm sát việc tiếp nhận, xử lý tin báo tố giác tội phạm, giám định tư pháp để có kiến nghị phù hợp. Qua thực hiện chức năng kiểm sát, cần tăng cường kiến nghị đối với cơ quan hữu quan, UBND các cấp trong công tác phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

- Tham mưu hiệu quả cho cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và công tác phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo thẩm quyền. VKSND tỉnh phối hợp với Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh nghiên cứu, thống nhất thời điểm lấy số liệu báo cáo định kỳ trình tại kỳ họp HĐND tỉnh giữa năm và cuối năm nhằm có sự thống nhất về số liệu giữa các cơ quan, đơn vị.

3. Tòa án nhân dân tỉnh

- Tiếp tục thực hiện và lãnh đạo, chỉ đạo TAND hai cấp chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt công tác cải cách tư pháp. Trong đó, tập trung quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 24/6/2024, nhằm góp phần xây dựng hệ thống tổ chức, bộ máy TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh thực sự chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, liêm chính, nghiêm minh.

- Thường xuyên quan tâm giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức; đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ Thẩm phán, Thư ký, cán bộ, công chức Tòa án nhân dân hai cấp.

- Tiếp tục tăng cường hơn nữa hiệu quả công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị; đặc biệt là sự hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với hoạt động của Tòa án.

Có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng công tác xét xử, hạn chế án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

- Tăng cường phối hợp tốt trong thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

4. Công an tỉnh

- Tiếp tục thực hiện công tác tham mưu hiệu quả cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong lãnh đạo, chỉ đạo ban hành chương trình, kế hoạch, biện pháp và tổ chức triển khai thực hiện tốt các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh; các chương trình, kế hoạch, biện pháp đã đề ra về đảm bảo ANTT, PCTP và TNXH trên địa bàn tỉnh.

- Quan tâm hơn nữa công tác PCTP, TNXH về ma túy. Nắm chắc địa bàn, tình hình an ninh tôn giáo, an ninh trong đồng bào dân tộc, hoạt động của các băng nhóm tội phạm (nếu có).

- Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, quản lý tốt dữ liệu về dân cư nhằm góp phần hiệu quả vào công tác bảo đảm ANTT, PCTP và TNXH.

- Đánh giá những nguyên nhân chủ quan, khách quan các địa phương chưa triển khai chi hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người đang trong thời hạn quản lý do sử dụng trái phép chất ma túy theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND để có sự chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đúng quy định.

- Rà soát quy định về thẩm quyền hỗ trợ kinh phí chi cho hoạt động giám định tư pháp, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác của ngành để có đề xuất, kiến nghị phù hợp.

- Kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết (gồm cả nghị quyết quy định chi tiết những nội dung được cơ quan Trung ương giao và nghị quyết đặc thù) nhằm thực hiện tốt công tác đảm bảo ANTT, PCTP, TNXT trên địa bàn tỉnh trên cơ sở phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế, xã hội và khả năng cân đối của ngân sách của địa phương.

- Về việc đầu tư xây dựng thêm trung tâm cai nghiện ma túy nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế: Đề nghị Công an tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và xã hội và các địa phương, đơn vị có liên quan nghiên cứu, đánh giá và báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

- Tiếp tục quan tâm công tác bồi dưỡng về tư tưởng, bản lĩnh chính trị; năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ trong từng lĩnh vực cụ thể nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; từng bước xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Các cơ quan tiến hành tố tụng nên có kế hoạch phối hợp trao đổi về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm tạo sự thống nhất, chính xác trong cách hiểu các quy định pháp luật cũng như nhận định quan điểm về vụ án/hành vi phạm tội. Từ đó góp phần hạn chế án bị trả hồ sơ điều tra bổ sung do nguyên nhân chủ quan hoặc quan điểm của các cơ quan tiến hành tố tụng còn khác nhau.

5. UBND tỉnh

- Quan tâm tham mưu, đề xuất kịp thời với Tỉnh ủy trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ về chính sách, pháp luật trong công tác đảm bảo ANTT, PCTP và TNXH trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, địa phương rà soát chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm liên quan đến công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội để có cơ sở đề nghị trình HĐND tỉnh theo thẩm quyền và ban hành theo thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan, ban ngành, thành viên UBND tỉnh có liên quan nhằm có biện pháp, giải pháp và bố trí sử dụng nguồn lực (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất) phù hợp, hiệu quả để thực hiện tốt nhiệm vụ này tại địa phương.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Tăng cường, chỉ đạo công tác thanh tra và công tác tự kiểm tra, giám sát đối với từng ngành, từng cấp theo thẩm quyền. Trong đó đẩy mạnh và thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, giám sát đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, góp phần thực hiện tốt công tác phòng ngừa hiệu quả trong thời gian tới.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã phối hợp, hỗ trợ tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Thi hành án thực hiện nhiệm vụ.

6. Ủy ban MTTQVN tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện

- Quan tâm nắm bắt tình hình dư luận xã hội, phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua tiếp xúc cử tri, tiếp công dân; xem đây là một kênh thông tin hữu ích để tiếp nhận tin báo, cung cấp thông tin các điểm nóng về an ninh trật tự, tin báo tội phạm để chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết kịp thời theo quy định.

- Tăng cường tổ chức giám sát theo quy định về việc thực thi pháp luật, nhất là giám sát về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, ngay cả trong lĩnh vực kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

7. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh tại địa bàn ứng cử

- Tăng cường việc theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở thực hiện và kết quả việc thực hiện các kết luận, kiến nghị giám sát nhằm kịp thời có những đề xuất cần thiết đến HĐND tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác nắm bắt tình hình ý kiến, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân và cử tri; những ý kiến phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân để xử lý, chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết kịp thời, đáp ứng yêu cầu và đúng quy định.

- Có đề xuất, kiến nghị và thực hiện vai trò giám sát theo thẩm quyền đối với những nội dung có liên quan.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Nung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81/NQ-HĐND

An Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 26

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Sau khi xem xét Báo cáo số 1422/BC-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành nội dung báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024

Trong năm 2024, xung đột chính trị Nga - Ukraine, khu vực Trung Đông vẫn tiếp diễn, kéo dài, thương mại thế giới phục hồi chậm, thiếu vững chắc, giá cả xăng dầu, chi phí sản xuất, vận tải tăng cao, tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng diễn biến phức tạp đã tác động không nhỏ đến tình hình kinh tế của cả nước nói chung và tỉnh nói riêng. Trước những khó khăn, thách thức đó, xác định mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng tốc triển khai các nhiệm vụ đột phá của nhiệm kỳ 2020 - 2025, các cấp, các ngành đã quyết liệt thực hiện các giải pháp điều hành kinh tế - xã hội. Từ đó, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đã có nhiều khởi sắc, tạo nên khí thế mới, động lực mới trong tăng trưởng và phát triển. Nhiều chủ trương, chính sách quan trọng được ban hành và triển khai hiệu quả, tác động tích cực đến sự phát triển chung của toàn tỉnh.

Năm 2024, tỉnh An Giang ước thực hiện đạt và vượt 13/15 chỉ tiêu mà Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra, trong đó có 05 chỉ tiêu vượt, 08 chỉ tiêu đạt và 02 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch (*Tốc độ tăng trưởng GRDP và GRDP bình quân đầu người*). Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nhìn chung ổn định; cải cách hành chính được các ngành, các cấp tham gia tích cực và thường xuyên; triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

2. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Dự báo năm 2025, tình hình kinh tế - xã hội có nhiều cơ hội mới mở ra nhờ các hoạt động liên kết phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bằng sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục được thúc đẩy trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch, dịch vụ, thu hút đầu tư.

Cơ sở hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện, góp phần giảm thiểu ùn tắc giao thông, tạo điều kiện mạnh mẽ cho phát triển thương mại, dịch vụ, giao thương giữa An Giang với các tỉnh trong và ngoài vùng. Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được khẩn trương triển khai thực hiện, dự báo sẽ mở ra nhiều cơ hội hợp tác, tầm nhìn mới cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và toàn vùng.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, năm 2025 dự báo vẫn còn rất nhiều rủi ro, thách thức như: Kinh tế Việt Nam và thế giới tiếp tục đứng trước những thách thức như sự biến động của giá nguyên vật liệu, lạm phát, xuất nhập khẩu. Thu hút đầu tư có khả năng tiếp tục khó khăn do nguồn nguyên vật liệu (cát, đá xây dựng) tiếp tục khan hiếm, giá cả tăng cao... FDI khó tăng trong ngắn hạn do thiếu quỹ đất sạch trong các khu, cụm công nghiệp. Tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, các ngành kinh tế - xã hội khác và đời sống người dân. Các chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, các chỉ số cải cách hành chính những năm qua đạt kết quả chưa cao, cần nhiều nỗ lực cải thiện hơn nữa cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động quảng bá, thu hút đầu tư của tỉnh.

Từ những dự báo thuận lợi và khó khăn nêu trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, như sau:

a) Mục tiêu

Năm 2025 là năm tăng tốc, bứt phá, về đích; phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng. Cả hệ thống chính trị toàn tỉnh đổi mới, đột phá với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung quyết liệt hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2025, trong đó:

- Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hướng đến chuyển biến về chất, tạo ra nhiều giá trị tăng thêm. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh tiến độ, đặc biệt là hạ tầng giao thông để tạo nền tảng phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ, thúc đẩy liên kết vùng. Hoàn thiện đồng bộ các quy hoạch, tập trung cải

cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư đặc biệt là công tác kêu gọi, thu hút đầu tư. Làm tốt công tác hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là cho những ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất và chế biến, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn gắn với bảo đảm an ninh, an toàn để thúc đẩy phát triển.

- Phát triển văn hóa, xã hội gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân.

- Tiếp tục hoàn thiện, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Làm tốt hơn nữa công tác truyền thông chính sách, thông tin, tuyên truyền với tinh thần lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế; góp phần nâng cao uy tín, vị thế nước ta trên trường quốc tế.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) từ 8,50% trở lên;
- GRDP bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng/người/năm;
- Tổng vốn đầu tư xã hội là 50.563 tỷ đồng;
- Kim ngạch xuất khẩu là 1.230 triệu USD;
- Thu ngân sách đạt 8.471 tỷ đồng;
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 43% trở lên;
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 55%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân đạt 73%;
- Số lao động có việc làm mới trong độ tuổi lao động tăng 05%;
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân 0,5 - 1% năm;
- Số bác sĩ trên 01 vạn dân đạt 11 bác sĩ/01 vạn dân;

- Số giường bệnh trên 01 vạn dân đạt 28 giường/01 vạn dân;
- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 17,64% (trong đó: bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 13,46%; bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 4,18%);
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%;
- Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 90%;
- Có thêm 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu;
- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 96,5%.

c) Một số nhiệm vụ giải pháp cần tập trung

- Nghiên cứu, xây dựng Đề án nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Đồng thời, tiếp tục chủ động, năng động, trách nhiệm trong việc thực hiện vụ cũng như tham mưu, đề xuất với Tỉnh để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội năm 2025, chuẩn bị cho việc hoàn thành chỉ tiêu nhiệm kỳ.

Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đồng thời giữ vững ổn định kinh tế, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ và kinh tế ban đêm...). Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, kịp thời hơn nữa, sớm khắc phục các điểm nghẽn, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2025; tăng cường phân cấp, phân quyền và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án.

- Đột phá mạnh mẽ hơn về tư duy đổi mới "*vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển, huy động tối đa các nguồn lực phát triển, tạo không gian phát triển mới*". Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương của Trung ương theo thẩm quyền; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả; tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyên đổi số quốc gia, tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tích cực thực hiện Đề án 06, xây dựng cơ sở dữ liệu đầu tư, doanh nghiệp, ngân hàng,... sớm đưa vào vận hành và kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Tập trung các nguồn lực để hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo tiến độ dự án đường cao tốc và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyên đổi số. Khẩn trương hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới trong năm 2025.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn các công trình trọng điểm của năm 2025, nhất là 03 chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung tối đa nguồn lực cho Dự án thành phần 01 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 01 và các dự án trọng điểm của tỉnh. Kiên quyết xử lý nghiêm các chủ đầu tư, nhà thầu thi công chậm trễ, thiếu trách nhiệm.

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp và thu hút đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư tại chỗ. Tập trung hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư triển khai các dự án trọng điểm thuộc các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh, đặc biệt là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu chức năng của khu kinh tế cửa khẩu, hạ tầng thương mại - dịch vụ - du lịch, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư.

- Tăng cường liên kết vùng, thực hiện hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị. Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tiếp tục triển khai công tác lập và thực hiện các quy hoạch quan trọng trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1369/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2023.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, sáng tạo.

- Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe Nhân dân. Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Chuẩn bị và tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của tỉnh và của đất nước trong năm 2025. Thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo, đẩy mạnh Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước” để hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2025. Có những giải pháp quyết liệt, hữu hiệu nhằm nâng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đến cuối năm 2025 đạt 95%.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Tăng cường các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm lừa đảo trên không gian mạng; kèm chế, giảm thiểu số vụ phạm tội về trật tự xã hội; tập trung trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy,

nỗ; khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển tỉnh nhà.

Thực hiện truyền thông chính sách hiệu lực, hiệu quả, không để xảy ra sự cố truyền thông; chủ động, kịp thời đấu tranh phản bác các thông tin xấu, độc, xử lý nghiêm các vi phạm về thông tin.

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, chủ trương của Chính phủ, Tỉnh ủy về các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, góp phần thực hiện các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra. Sắp xếp tổ chức bộ máy "Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả" theo chỉ đạo của Bộ Chính trị; đồng thời, tập trung cho công tác đánh giá các chỉ tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025, xây dựng nội dung Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và một số nhiệm vụ trọng tâm có liên quan khác.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra việc thực hiện của các ngành, các cấp. Tăng cường trách nhiệm, phối hợp hành động giữa các ngành và địa phương để đảm bảo thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, tăng cường tuyên truyền, giám sát, đôn đốc các ngành, các cấp và vận động Nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết.

Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 26 kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ tiếp tục phát huy thành tích đạt được, triệt để tiết kiệm trong tiêu dùng, sản xuất, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, tận dụng thời cơ thuận lợi, khai thác tiềm năng thế mạnh của tỉnh, đoàn kết thống nhất, chung sức, chung lòng thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu năm 2025 theo Nghị quyết đã đề ra.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Nung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 82/NQ-HĐND

An Giang, ngày 27 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 26

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025.

Xét Tờ trình số 36/TTr-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2025; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành việc ban hành kế hoạch tổ chức các kỳ họp Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh năm 2025, như sau:

1. Kỳ họp giữa năm 2025:

1.1. Thời gian: Dự kiến tổ chức vào đầu tháng 7 năm 2025.

1.2. Nội dung xem xét các báo cáo và các tờ trình

a) Báo cáo:

- Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm của Thường trực, các Ban của HĐND, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm của Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND.

- Báo cáo của Thường trực HĐND về kết quả giám sát việc giải quyết trả lời kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp cuối năm 2024.

- Báo cáo tổng hợp trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp giữa năm 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Báo cáo giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về "Công tác quản lý thu, chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục Mầm non và Tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2022 - 2024".

- Báo cáo về việc thi hành pháp luật trong một số lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

- Các báo cáo khác: Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2024, ước thực hiện thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025 và giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh An Giang; Kết quả thực hiện việc lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số); Công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả giai đoạn năm 2024 đến tháng 3 năm 2025 và các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

b) Tờ trình:

- Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2026.

- Các tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh. *(Đính kèm phụ lục I)*

c) Tổ chức chất vấn và trả lời chất vấn.

2. Kỳ họp cuối năm 2025:

2.1. Thời gian: Dự kiến tổ chức vào đầu tháng 12 năm 2025.

2.2. Nội dung xem xét các báo cáo và các tờ trình

- Báo cáo công tác năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

- Báo cáo công tác đầu năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; báo cáo tài chính nhà nước tỉnh An Giang năm 2024; công tác phòng, chống tham nhũng; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri; các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

- Báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết trả lời kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp giữa năm 2025.

- Báo cáo tổng hợp trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp cuối năm 2025 HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề “Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025”.

- Các báo cáo khác: Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh trong việc chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân ở khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 687/KH-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tỉnh; Công tác xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh An Giang giai đoạn năm 2024 đến tháng 6 năm 2025 và những các báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Tờ trình:

- Tờ trình, dự thảo Nghị quyết về tổ chức các kỳ họp HĐND tỉnh năm 2026.

- Tờ trình, dự thảo Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh năm 2026 (nếu có).

- Các tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh. *(Đính kèm phụ lục II)*

c) Tổ chức chất vấn và trả lời chất vấn.

3. Kỳ họp chuyên đề:

Thực hiện theo khoản 2 Điều 78 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

+ Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định điều chỉnh, bổ sung nội dung trình tại các kỳ họp HĐND tỉnh theo thẩm quyền.

+ Chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch chi tiết tổ chức kỳ họp giữa năm, cuối năm 2025 và các kỳ họp chuyên đề (nếu có).

- Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật phải đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Nưng

Phụ lục I**DANH MỤC CÁC TỜ TRÌNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
DỰ KIẾN TRÌNH TẠI KỲ HỌP GIỮA NĂM 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

1. Tờ trình ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
2. Tờ trình ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
3. Tờ trình ban hành Nghị quyết ý kiến về phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách nhà nước.
4. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh An Giang.
5. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.
6. Tờ trình ban hành Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thẩm định trên địa bàn tỉnh An Giang.
7. Tờ trình ban hành Nghị quyết ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thẩm định trên địa bàn tỉnh An Giang.
8. Tờ trình ban hành Nghị quyết hủy bỏ danh mục dự án có thu hồi đất và sử dụng đất trồng lúa năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 14/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
9. Tờ trình ban hành Nghị quyết bổ sung danh mục dự án có thu hồi đất và sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất năm 2025.
10. Tờ trình ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 14/4/2022, Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 28/9/2023 và Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
11. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

12. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

13. Tờ trình ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh An Giang.

14. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

15. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định mức học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh trường trung học phổ thông chuyên trên địa bàn tỉnh An Giang.

16. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh An Giang.

17. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ cho giáo viên và trẻ em tham gia dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh An Giang.

18. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh An Giang

19. Tờ trình ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt trên địa bàn tỉnh An Giang.

20. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Phụ lục II**DANH MỤC CÁC TỜ TRÌNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
DỰ KIẾN TRÌNH TẠI KỲ HỌP CUỐI NĂM 2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*

1. Tờ trình ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương.
2. Tờ trình ban hành Nghị quyết phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách địa phương.
3. Tờ trình ban hành Nghị quyết phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương.
4. Tờ trình ban hành Nghị quyết phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.
5. Tờ trình ban hành Nghị quyết phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.
6. Tờ trình ban hành Nghị quyết Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn giai đoạn 2021-2030, giai đoạn II: từ năm 2026 đến năm 2030.
7. Tờ trình ban hành Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2024.
8. Tờ trình ban hành Nghị quyết phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương tỉnh An Giang năm 2026.
9. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2026.
10. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi thời kỳ ổn định ngân sách 2026 – 2030 của ngân sách các cấp thuộc tỉnh An Giang.
11. Tờ trình ban hành Nghị quyết Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh An Giang giai đoạn 2026 - 2030.
12. Tờ trình ban hành Nghị quyết về việc điều chỉnh tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2025.
13. Tờ trình ban hành Nghị quyết về việc tổng mức vay, kế hoạch vay, trả nợ của ngân sách tỉnh An Giang năm 2026.

14. Tờ trình ban hành Nghị quyết Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm giai đoạn 2026 – 2030 của ngân sách tỉnh An Giang.

15. Tờ trình ban hành Nghị quyết hủy bỏ danh mục dự án có thu hồi đất và sử dụng đất trồng lúa năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

16. Tờ trình ban hành Nghị quyết danh mục dự án có thu hồi đất và sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất năm 2026.

17. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định và Bảng giá các loại đất lần đầu áp dụng từ ngày 01/01/2026.

18. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh An Giang.

19. Tờ trình ban hành Nghị quyết về việc đặt tên đường trên địa bàn huyện Thoại Sơn.

20. Tờ trình ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan Khu du lịch Núi Cấm.

21. Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định mức khen thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh An Giang đạt thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế từ nguồn ngân sách địa phương.

22. Tờ trình ban hành Nghị quyết giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và Hội quân chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026.

23. Tờ trình ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND, ngày 30 tháng 3 năm 2023 “Nghị quyết Quy định chính sách giáo dục mầm non ngoài công lập ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh An Giang.

24. Tờ trình ban hành Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2026 – 2030.

25. Tờ trình ban hành Nghị quyết Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang, tỉnh An Giang đến năm 2045.

26. Tờ trình ban hành Nghị quyết Nhiệm vụ Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Định Thành.

27. Tờ trình ban hành Nghị quyết Nhiệm vụ Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bình Hoà mở rộng.

28. Tờ trình ban hành Nghị quyết Nhiệm vụ Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1873/UBND-KTTH

An Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2024

V/v triển khai thực hiện các Nghị
quyết của Hội đồng nhân dân nhân tỉnh

Kính gửi:

- Sở Y tế;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang;
- Báo An Giang;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Tại kỳ họp thứ 26 (cuối năm 2024) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 đã ban hành các Nghị quyết: ⁽¹⁾ Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế mà không phải là đối tượng khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh An Giang; ⁽²⁾ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Để kịp thời triển khai, thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, thực hiện các nội dung sau:

1. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức triển khai cho các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang; đồng thời triển khai Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND đến các cơ quan, đơn vị liên quan được biết để thực hiện theo đúng quy định.

2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp, Sở Tài chính rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đối với nội dung Công văn số 8111/BYT-KHTC ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế về việc phê duyệt giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 (đính kèm Công văn), đảm bảo công tác tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đúng theo quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

3. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo An Giang, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung quy định tại các Nghị quyết nêu trên đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn tỉnh tiếp cận, hiểu rõ hơn về việc điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo mức lương cơ sở.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Y tế triển khai các Nghị quyết nêu trên; theo dõi, giám sát việc thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi, địa bàn quản lý.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Y tế để tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thúy

VĂN PHÒNG UBND TỈNH AN GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ : 16C, Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên – AG

Điện thoại : 0296. 3856955

Fax : 0296. 3852037

Email : congbao@angiang.gov.vn

Website : <http://congbao.angiang.gov.vn>